

Bản án số: 97/2020/HC-PT

Ngày: 08 - 5 - 2020

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Hoàng Thanh Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 581/2019/TLPT-HC ngày 08 tháng 10 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2019/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3125/2019/QĐ - PT ngày 06 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Vũ Xuân C, sinh năm 1996 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm 1960 (có mặt)

Địa chỉ: A11/4A đường 385, khu phố X2, phường T, Quận X9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước (xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Đường 6/1 phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

2/ Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B: Ông Vũ Văn H (có mặt)

3/ Ông Vũ Trường C4, sinh năm 1972 (vắng mặt)

4/ Ông Vũ Trung C1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

5/ Bà Vũ Thị C2, sinh năm 1983 (vắng mặt)

6/ Bà Vũ Dân C3, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Trường C4, ông Vũ Trung C1, bà Vũ Thị C2, bà Vũ Dân C3: Bà Võ Thị Mỹ D (có mặt).

- *Người kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Vũ Xuân C là bà Võ Thị Mỹ D.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Gia đình ông Vũ Xuân C được Ủy ban nhân dân huyện (sau đây viết tắt là: UBND) L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) (sổ trắng) số 227/GCNSB vào ngày 20/3/1991 với diện tích 17.400m², trong đó có 400m² thổ cư, thời gian sử dụng 2400 m² lâu dài còn lại là tạm thời, sơ đồ thửa đất không thể hiện đất hành lang lộ giới. Ngày 20/6/2001, UBND huyện L cấp đổi lần 1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 65/QSDĐ/QĐ-UB với diện tích 20.500 m² (diện tích thay đổi do hợp thêm thửa), có 400 m² đất thổ cư, trên sơ đồ vị trí thửa đất có thể hiện hành lang lộ giới là 20m. Ngày 07/9/2004, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông C được UBND huyện B cấp đổi lần 2 với diện tích đất 8.939m², sơ đồ thửa đất lúc này cũng thể hiện đất hành lang lộ giới là 20m tính từ tim đường.

Ngày 16/10/2008, UBND huyện B ban hành Quyết định số 1998/QĐ-UBND thành lập Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, mở rộng đường L1 - H1 (đoạn từ xã L2 đến trung tâm huyện B). Dự án đường L1 - H1 có phạm vi giải tỏa là 16m tính từ tim đường. Khi thực hiện dự án, Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B chỉ tiến hành việc kiểm kê, áp giá đối với tài sản trên đất vào thời điểm 9/2009, không bồi thường về đất đối với các diện tích đất do hộ ông C đang sử dụng bị ảnh hưởng lý do đất thuộc hành lang bảo vệ đường bộ đã được trừ khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004.

Không đồng ý việc Hội đồng bồi thường giải tỏa mặt bằng huyện B không bồi thường về đất đối với diện tích đất bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án nâng

cấp mở rộng đường ông C khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B. Ngày 19/3/2012, Chủ tịch UBND huyện ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của ông C số 199/QĐ-UBND có nội dung bác đơn. Sau đó, ông C tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước. Ngày 12/7/2012, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của ông C số 1408/QĐ-UBND có nội dung công nhận khiếu nại của ông C với lý do có cơ sở xem xét, giải quyết.

Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các ngành chức năng, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát, tham mưu Chủ tịch thu hồi quyết định giải quyết khiếu nại số 1408/QĐ-UBND. Ngày 28/11/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại số 2334/QĐ-UBND có nội dung bác yêu cầu khiếu nại của ông C, công nhận quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 của Chủ tịch UBND huyện B và thay thế quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 12/7/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Không đồng ý với quyết định số 2334/QĐ-UBND ông C khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án tuyên hủy quyết định này để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bồi thường về đất đối với diện tích đất bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường theo quyết định số 1408/QĐ-UBND đã ban hành trước đó.

Người bị kiện - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước trình bày:

Theo quy định tại Nghị định 203 ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng năm 1982 ban hành điều lệ bảo vệ đường bộ, Nghị định 172/1999/NĐ-CP ngày 7/12/1999 của Chính Phủ và Quyết định số 25/1998/QĐ-UB ngày 10/3/1998 của UBND tỉnh Bình Phước quy định về đất hành lang lộ giới thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải cắt trừ đất hành lang lộ giới. Tuy nhiên, năm 1991 khi Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông C nhưng không cắt trừ hành lang lộ giới là không đúng các quy định nêu trên. Sau đó UBND huyện B cấp đổi sổ cho các hộ đã cắt trừ hành lang lộ giới là đúng quy định. Hơn nữa, sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cắt trừ hành lang lộ giới hộ ông C cũng không có thắc mắc, khiếu nại gì. Vì vậy, năm 2008 UBND huyện B tiến hành mở rộng, nâng cấp đường L1 - H1, phần đường được mở rộng là một phần của phần đất hành lang lộ giới đã được cắt trừ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên UBND huyện B không ban hành quyết định thu hồi đất và chủ trương của UBND tỉnh Bình Phước cũng như UBND huyện B cũng không có chính sách bồi thường, hỗ trợ về đất mà chỉ có chính sách bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất đối với tất cả các hộ dân trong dự án.

Ngoài ra, để thống nhất giải quyết vấn đề vướng mắc trong chính sách bồi thường về đất đối với các trường hợp liên quan đến sổ trắng và sổ đỏ trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức cuộc họp có các sở, ban ngành tham gia và đã có kết luận tại Thông báo số 297/TB-UBND ngày 22/8/2013 với nội dung thống nhất không bồi thường đất đối với đất trong hành lang lộ giới đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng thời giao nhiệm vụ cho UBND các huyện, thị xã vận động, giải thích cho nhân dân biết ý nghĩa của việc

mở rộng các tuyến đường giao thông là để phục vụ phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh chung của cả tỉnh và cũng phục vụ trực tiếp cho sự phát triển của từng hộ dân có đất bị thu hồi, vì vậy mỗi hộ gia đình phải vì mục đích chung của cộng đồng. Do đó, việc ban hành quyết định giải quyết khiếu nại của ông Vũ Xuân C đã đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định nên quan điểm của Chủ tịch UBND tỉnh vẫn giữ nguyên theo quyết định đã ban hành.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Chủ tịch UBND huyện B và Ủy ban nhân dân huyện B thống nhất trình bày:*

Đối với quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quá trình bồi thường giải tỏa khi thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường Lộc Tấn- Hoàng Diệu Ủy ban và Chủ tịch UBND huyện B thống nhất với lời trình bày của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh.

Về quá trình ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với yêu cầu khiếu nại của ông C thì căn cứ về thẩm quyền, về hình thức, thời hạn thời hiệu ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đã phù hợp với Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Về căn cứ của quyết định giải quyết khiếu nại số 199/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 của Chủ tịch UBND huyện:

Ủy ban nhân dân huyện xác định: Năm 1991 hộ ông Vũ Xuân C được UBND huyện L cấp GCNQSDĐ số 227/GCNSB ngày 20/3/1991 (sổ trắng) có diện tích 17.400 m², nhưng UBND huyện L không trừ phần HLBVĐB là không đúng quy định pháp luật (Theo quy định tại Nghị định 203- HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng và theo quyết định 51/QĐ-UB ngày 11/02/1991 của UBND tỉnh Sông Bé là HLBVĐB đối với đường ĐT 748 là 15m tính từ tim đường đường ra mỗi bên). Đến năm 2001 ông C làm hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần 1 có diện tích không thay đổi và năm 2004 cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần 2 thì đều xác định hành lang lộ giới tính từ tim đường ra mỗi bên là 20m, hộ ông C nhận sổ và không có ý kiến gì. Năm 2009 thực hiện dự án nâng cấp mở rộng đường L1- B thì phạm vi giải phóng mặt bằng 16m tính từ tim đường ra mỗi bên, Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện căn cứ sổ đất hiện đang sử dụng năm 2004 của hộ ông C xác định không bị ảnh hưởng đến quyền sử dụng đất nên không kiểm kê, bồi thường. Do đó, quan điểm của Chủ tịch UBND huyện B vẫn giữ nguyên theo quyết định giải quyết khiếu nại số 199/QĐ-UBND ngày 19/3/2012.

- *Các ông C4, C1 và các bà C2, C3 (là các con của ông C):* Đều thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông C, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, tuyên hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2334/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Tại bản án hành chính sơ thẩm 19/2019/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 2 Điều 116; các điều 164, 194, 204 và 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 5; các điều 36, 37, 38, 39 và 41 Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 43, khoản 1 Điều 97 Luật Đất đai năm 2003; Điều 39 Luật Giao thông đường bộ năm 2001; Nghị định số 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Điều lệ bảo vệ đường bộ; Quyết định số 54/QĐ-UB ngày 11/02/1991 của UBND tỉnh Sông Bé ban hành Quy định bảo vệ đường bộ; Nghị định số 172/1999/NĐ-CP ngày 07/12/1999 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ công trình giao thông đường bộ; Nghị định số 186/2004/NĐ-CP ngày 05/11/2004 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Quyết định số 25/1998/QĐ-UBND ngày 10/3/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định bảo vệ đường bộ; Quyết định số 110/2004/QĐ-UB ngày 22/11/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành quy định bảo vệ đường bộ; Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 14/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 58/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh Bình Phước về chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước do không có căn pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các ngày 19/8/2019, 03/9/2019 đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện bà Võ Thị Mỹ D có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện và đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện về việc tuyên xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C. Các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện người kháng cáo nêu đã

được nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chưa đúng và chưa đầy đủ nên phán xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là sai, làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Người bị kiện đã xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Những người được Tòa án cấp sơ thẩm xác định là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ kiện đều có phần trình bày ý kiến trùng với nội dung của phần trình bày của người khởi kiện từ cấp sơ thẩm.

Phản tranh luận:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Quyết định 2334/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh sai cả về hình thức và nội dung. Cụ thể:

- Về hình thức: Ngày 19/3/2012 Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định 199/QĐ-UBND nội dung bác đơn khiếu nại của ông Vũ Xuân C. Sau khi ông C khiếu nại, ngày 12/7/2012 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành quyết định 1408/QĐ-UBND nội dung hủy bỏ quyết định 199, công nhận nội dung khiếu nại của ông C. Như vậy, quyết định 1408 là quyết định giải quyết khiếu nại lần 2. Theo quy định pháp luật đây là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng. Việc chủ tịch UBND tỉnh tiếp tục ban hành quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 tiếp tục giải quyết khiếu nại, giữ nguyên quyết định 199 là không đúng.

- Về nội dung: Ngày 20/3/1991 UBND huyện L, tỉnh Sông Bé (cũ) đã cấp GCNQSDĐ (sổ trắng) cho cha ông C với diện tích 17.400 m². Sau 2 lần cấp đổi GCNQSDĐ (sổ đỏ) thì diện tích đất đã bị cắt giảm do trừ hành lang lộ giới. Tuy nhiên, UBND lại không có quyết định thu hồi phần đất hành lang lộ giới và gia đình ông C vẫn đang sử dụng phần đất này. Phần diện tích bị thu hồi nhưng không có quyết định thu hồi và bồi thường là ảnh hưởng quyền lợi của gia đình ông C. Vì những trường hợp được cấp sổ trắng như gia đình ông C nhưng không đổi sổ đỏ thì vẫn được bồi thường. Người khởi kiện không khiếu nại phần diện tích hành lang lộ giới khi đổi sổ là do nhận thấy quyền lợi không bị ảnh hưởng, vì thực tế gia đình ông C vẫn sử dụng phần đất này. Tuy nhiên, việc UBND không bồi thường khi thu hồi đất đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi của người khởi kiện nên ông C mới khiếu nại.

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà D (đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện), sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C, hủy quyết định 2334 ngày 28/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh, buộc UBND ban hành quyết định thu hồi và bồi thường đối với diện tích bị thu hồi cho gia đình ông C.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho UBND huyện B và Chủ tịch UBND huyện B trình bày: Khi cấp sổ trắng cho người dân, UBND không thể hiện hành lang lộ giới là sai quy định của Chính phủ. Sau khi cấp đổi sổ đỏ đã thể hiện

hành lang lộ giới, gia đình ông C không thắc mắc, không có ý kiến là thể hiện sự đồng ý. Theo thông báo số 297/TB-UBND ngày 22/8/2013 của UBND tỉnh thì không thực hiện bồi thường đối với các trường hợp hành lang lộ giới nằm trong sổ trắng. Vì vậy, quyết định 199 là có căn cứ, quyết định 1408 không phù hợp với chủ trương này nên Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định 2334 thay thế là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Xét về nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành trình tự thủ tục theo quy định của Luật tố tụng hành chính, không làm ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2] Nội dung vụ kiện:

Ông C khởi kiện yêu cầu hủy quyết định 2334/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước với lý do: Phần đất gia đình ông C bị thu hồi để thực hiện dự án đường L1 – B đã được cấp GCNQSDĐ năm 1991 (sổ trắng). Việc Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định không chấp nhận khiếu nại, yêu cầu bồi thường khi thu hồi đất là ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông C. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, phía ông C đã phản ánh tại phần nội dung vụ án.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước không đồng ý yêu cầu khởi kiện vì cho rằng diện tích đất mà ông C bị thu hồi nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ, nên không đủ điều kiện để được bồi thường theo quy định pháp luật.

[3] Bản án sơ thẩm đã nhận định:

Theo nội dung các báo cáo số 53/BC-UBND ngày 07/5/2013 của UBND huyện B, các báo cáo số 623/BC-T1061, 631/BC-T1061 của Tổ thẩm tra, xác minh do Chủ tịch UBND tỉnh lập theo quyết định 1061/QĐ-UBND ngày 20/6/2013 thì trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại tại quyết định 1408 là chưa đảm bảo tính pháp lý. Ngày 28/11/2013 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết

định 2334 thay thế quyết định 1408 giải quyết khiếu nại của ông C, giữ nguyên quyết định 199 là đúng theo quy định của luật Khiếu nại.

Năm 1991, gia đình ông C được cấp GCNQSDĐ (sổ trắng) nhưng không thể hiện hành lang bảo vệ đường bộ. Sau khi cấp đổi GCNQSDĐ (sổ đỏ) vào năm 2001 và 2004 thì đã có thể hiện hành lang bảo vệ đường bộ là 20m từ tim đường. Gia đình ông C đã biết có diện tích hành lang lộ giới khi cấp đổi sổ nhưng không thắc mắc hay có ý kiến là đã chấp thuận hành lang lộ giới theo quy định. Hành lang lộ giới khi cấp đổi sổ là 20m tính từ tim đường, trong khi dự án đường L1- B chỉ trong phạm vi 16m từ tim đường là nằm trong phạm vi hành lang lộ giới. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 97, điểm b khoản 1 Điều 43 Luật Đất đai 2003, khoản 4 Điều 9 Quyết định 15/2008/QĐ-UBND ngày 18/4/2008 của UBND tỉnh Bình Phước thì việc UBND huyện B không thu hồi, bồi thường phần đất của gia đình ông C là có căn cứ.

Từ thời điểm có các thông báo Thông báo số 297/TB-UBND ngày 22/8/2013 của UBND tỉnh và thông báo số 2117-TB/TU ngày 10/9/2013 của Tỉnh ủy thì tất cả các hộ dân thuộc Dự án nâng cấp mở rộng đường L1- B đều không được bồi thường.

Từ việc nhận định này, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện Vũ Xuân C.

[4] Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định:

[4.1] Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định 2334/QĐ-UBND ngày 28/11/2013:

Ngày 19/3/2012 Chủ tịch UBND huyện B ban hành quyết định 199 không chấp nhận khiếu nại của ông C. Sau khi ông C có khiếu nại, ngày 12/7/2012 chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành quyết định 1408 chấp nhận khiếu nại của ông C, hủy quyết định 199. Căn cứ khoản 1 Điều 7 Luật Khiếu nại 2011, quyết định 1408 là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng. Gia đình ông C đã đồng ý với quyết định 1408.

Trên cơ sở các báo cáo của Tổ thẩm tra xác minh do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập, ngày 28/11/2013 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành quyết định 2334 có nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông C, giữ nguyên quyết định 199. Ngoài ra, tại Điều 3 của quyết định có nêu: “*Quyết định này thay thế quyết định 1408/QĐ-UBND ngày 12/7/2012*”. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng căn cứ vào khoản 3 Điều 5 Luật Khiếu nại năm 2011 thì việc Chủ tịch UBND tỉnh thành lập tổ rà soát và ban hành quyết định thay thế là phù hợp. Tuy nhiên, thời điểm Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành quyết định 2334 thì quyết định 1408 đã có hiệu lực pháp luật theo khoản 4 Điều 44 Luật Khiếu nại năm 2011. Theo quy định tại Điều 20 Nghị định 75/2012/NĐ-CP ngày 03/12/2012 thì chủ thể có quyền yêu cầu hoặc kiến nghị giải quyết lại vụ việc có khiếu nại đối với quyết định giải quyết khiếu nại đã có hiệu lực pháp luật là người đứng đầu các cơ quan quản lý Nhà nước ở trung ương. Do đó, việc chủ tịch UBND tỉnh Bình

Phước ban hành quyết định 2334 thay thế quyết định 1408 là không đúng về trình tự, thủ tục.

[4.2] Về nội dung quyết định 2334/QĐ-UBND ngày 28/11/2013:

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng diện tích đất ông C bị thu hồi là nằm trong hành lang bảo vệ đường bộ nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 43 Luật đất đai năm 2003 không thuộc trường hợp bồi thường khi thu hồi. Xét thấy, pháp luật đất đai quy định điều kiện để được bồi thường khi thu hồi quyền sử dụng đất gồm: Người bị thu hồi phải có quyền sử dụng hợp pháp (đã được cấp GCNQSDĐ hoặc có các giấy tờ theo Điều 50 Luật Đất đai năm 2003), nằm trong quy hoạch, có quá trình sử dụng ổn định và nằm trong chính sách bồi thường.

Phần diện tích gia đình ông C bị thu hồi đã được cấp GCNQSDĐ vào năm 1991 (sổ trắng), sau đó trải qua 2 lần cấp đổi vào năm 2001, 2004 diện tích này vẫn được ghi nhận trong GCNQSDĐ cấp cho gia đình ông C, nhưng thể hiện là hành lang bảo vệ đường bộ. Phía người bị kiện trình bày việc cấp sổ trắng vào năm 1991 không thể hiện hành lang bảo vệ đường bộ là chưa đúng Nghị định 203-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng Bộ trưởng và Quyết định số 51/QĐ-UB ngày 11/02/1991 của UBND tỉnh Sông Bé nên không lấy sổ trắng làm cơ sở bồi thường cho gia đình ông C đối với phần hành lang bảo vệ đường bộ đã cấp. Lập luận này là không chính xác vì GCNQSDĐ có ý nghĩa thể hiện quyền sử dụng hợp pháp của người sử dụng đất. Khoản 2 Điều 97 Luật Đất đai năm 2013 quy định: *“Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng trước ngày 10 tháng 12 năm 2009 vẫn có giá trị pháp lý và không phải đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; trường hợp người đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 10 tháng 12 năm 2009 có nhu cầu cấp đổi thì được đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của Luật này”*, nếu cho rằng GCNQSDĐ cấp năm 1991 không đúng quy định pháp luật thì phải căn cứ vào kết luận của cơ quan thanh tra, cơ quan có thẩm quyền mới được thu hồi. Việc cấp đổi GCNQSDĐ từ sổ trắng sang sổ đỏ vào các năm 2001, 2004 là thay đổi cho phù hợp với quy định pháp luật đất đai tại các thời kỳ.

Hơn nữa, xét về nguồn gốc đất theo người khởi kiện trình bày là gia đình người khởi kiện khai phá, sử dụng từ năm 1974 (BL 246) cho đến khi có dự án đường L1- B, không có tranh chấp và thực tế vẫn đang sử dụng phần đất này. Nội dung này phía người bị kiện không có ý kiến phản bác. Đồng thời, Hội đồng bồi thường bồi thường giải phóng mặt bằng huyện B cũng đã tiến hành kiểm kê, áp giá đối với tài sản trên đất vào năm 2009. Như vậy có cơ sở xác định người khởi kiện đã sử dụng ổn định phần đất bị thu hồi từ trước khi có công bố hành lang bảo vệ đường bộ theo Nghị định 203 – HĐBT ngày 21/12/1982 và quyết

định 51/QĐ-UB ngày 11/02/1991. Căn cứ khoản 1 Điều 18 Quyết định 58/2009/QĐ-UBND ngày 22/12/2009 của UBND tỉnh Bình Phước quy định: “Người có đất bị thu hồi được bồi thường, hỗ trợ với đất và tài sản gắn liền với đất đã có từ trước khi hành lang an toàn công trình công cộng được công bố” thì trường hợp của gia đình ông C đủ điều kiện để được bồi thường khi thu hồi đất.

Từ các chứng cứ nêu trên thể hiện việc Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành quyết định 2334/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 là không đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ dẫn đến phán quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự có liên quan.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà D (đại diện theo ủy quyền của ông C) là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đương sự, không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính năm 2015;

I/ Chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bà Võ Thị Mỹ D (đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện). Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 19/2019/HC-ST ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Xuân C

Hủy Quyết định số 2334/QĐ-UBND ngày 28/11/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Vũ Xuân C không phải chịu. Hoàn trả 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0010193 ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước phải chịu án phí 300.000 đồng.

II/ Án phí Hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Xuân C không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THADS tỉnh Bình Phước;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (6);
- Lưu (10) 23b (ÁnHTKN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Duyên

